TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 34/2024/DS-PT Ngày: 16-5-2024 V/v: Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất; Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dịu

Các Thẩm phán: Bà Ninh Thị Kiều Hạnh

Bà Phạm Thị Anh Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Thu - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hiển - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 71/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất; Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2024/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024//QĐ-PT ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị M, sinh năm 1957 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Thành L, sinh năm: 1964 theo Văn bản ủy quyền ngày 13/3/2024 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố D, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Ông Lê Thiện M1, sinh năm 1970 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Duy N, sinh năm 1957 theo Văn bản ủy quyền ngày 11/8/2023 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

1. Ông Trần Xuân T (Có mặt);

2. Bà Trần Thị H (Vắng mặt);

3. Bà Phạm Thị L1 (Vắng mặt);

Là: Luật sư Văn phòng L5 - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: P Tòa nhà VP3, Bán đảo L, phố H, quận H, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

3.1 Bà Lê Thị N1, sinh năm 1969 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.2 Ông Lê Thanh D, sinh năm 1957 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Ông Lê Thiện M2, sinh năm: 1950 (Có mặt).

Địa chỉ: Số A T, khu phố B, phường Đ, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

4.2. Bà Lê Thị B, sinh năm: 1956 (Có mặt).

Địa chỉ: Số D T, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

4.3. Ông Lê Thiện H1, sinh năm: 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

4.4. Bà Lê Thị Mỹ D1, sinh năm: 1965 (Có mặt).

Địa chỉ: Số D H, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

4.5. Bà Lê Thị C, sinh năm: 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4.6. Ông Lê Thiện K, sinh năm: 1968 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

4.7. Ông Lê Trọng N2, sinh năm: 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

4.8. Bà Lê Thị T1, sinh năm: 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4.9. Ông Lê Thiện T2, sinh năm: 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện hợp pháp của các ông/bà M2, B, H1, D1, C, K, N2, T1, T2: Bà Lê Thị M, sinh năm 1957 theo các Văn bản ủy quyền được chứng thực ngày 23/11/2022 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4.10. Bà Trương Thị N3, sinh năm: 1972 (Có mặt).

4.11. Ông Lê Thiện P, sinh năm: 1992 (Vắng mặt).

4.12. Bà Lê Thị Ngọc Y, sinh năm: 1993 (Vắng mặt).

4.13. Ông Lê Thiện C1, sinh năm: 1995 (Vắng mặt).

4.14. Ông Đào Quốc V, sinh năm: 1992 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.15. Bà Lê Thị Thanh H2, sinh năm: 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.16. Ông Trịnh Ngọc H3, sinh năm: 1974 (Vắng mặt).

4.17. Bà Nguyễn Thị K1, sinh năm: 1978 (Vắng mặt).

4.18. Ông Phạm Khắc L2, sinh năm: 1970 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4.19. Ông Huỳnh Văn G, sinh năm: 1938 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.20. Ông Huỳnh Văn Q, sinh năm: 1968 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4.21. Ông Huỳnh Văn Q1, sinh năm: 1972 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4.22. Bà Huỳnh Thị P1, sinh năm: 1974 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.23. Ông Huỳnh Văn H4, sinh năm: 1976 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4.24. Ông Huỳnh Văn K2, sinh năm: 1978 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4.25. Ông Huỳnh Văn K3, sinh năm: 1982 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Thiện M1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị N3.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

Thửa đất số 48, tờ bản đồ 06 thôn M, xã N có nguồn gốc là của ông bà nội bà tên Lê Bá T3 và Nguyễn Thị N4 để lại. Cụ T3 và cụ N4 có 07 người con gồm: Lê Thị M3 (đã chết), Lê Thị K4 (đã chết), Lê Thị C2 (đã chết), Lê Thiện H5 (đã chết), Lê Kim T4 (còn sống, hiện đang ở Mỹ) và Lê Thiện C3 (đã chết).

Cha tên Lê Thiện H5 chết năm 1977, mẹ bà tên Dương Thị M4 chết năm 2001. Cha mẹ có 11 người con chung gồm: Ông Lê Thiện M2, bà Lê Thị B, bà là Lê Thị M, ông Lê Thiện H1, bà Lê Thị Mỹ D1, bà Lê Thị C, ông Lê Thiện K, ông Lê Thiện M1, ông Lê Trọng N2, bà Lê Thị T1 và ông Lê Thiện T2.

Cha mẹ bà còn nhận cháu là bà Lê Thị L3 sinh năm 1940 làm con nuôi. Bà L3 chết vào năm 2022 có chồng là ông Huỳnh Văn G và 06 người con gồm: Ông Huỳnh Văn Q, ông Huỳnh Văn Q1, bà Huỳnh Thị P1, ông Huỳnh Văn H4, ông Huỳnh Văn K2, ông Huỳnh Văn K3. Ngoài ra cha mẹ bà không có con riêng, còn nuôi nào khác.

Sau khi cụ T3, cụ N4, ông H5 chết thì mẹ bà là Dương Thị M4 quản lý, sử dụng đất đến năm 2001 thì được cấp GCNQSDĐ đứng tên Dương Thị M4.

Trước khi chết cha mẹ bà không để lại di chúc về thửa đất số 48. Sau khi bà M4 chết thì các anh, chị em bà có họp và thống nhất giao cho ông Lê Thiện M1 quản lý, sử dụng phần thửa đất số 48, tờ bản đồ số 06 thuộc thôn M.

Năm 2010, ông M1 cùng ông M2 khi không được sự thống nhất của các

đồng thừa kế khác đã chuyển nhượng khoảng 200m^2 đất cho ông Phạm Khắc L2 ở M, xã T. Sau đó, ông L2 chuyển nhượng cho vợ chồng ông Trịnh Ngọc H3 và vợ chồng ông H3 đã chuyển nhượng cho ông Lê Thanh D.

Các đồng thừa kế thống nhất cho luôn ông M1 phần đất này xem như tiền công quản lý di sản, bà không yêu cầu phân chia thừa kế phần đất này và thống nhất với yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Thanh D.

Vào năm 2021, tất cả các anh em thống nhất để ông Lê Thiện M2 bán 01 phần diện tích đất 140m^2 thuộc thửa đất số 48 với số tiền 280.000.000 đồng cho bà Lê Thị N1, bà không tranh chấp và đồng ý với yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất này cho bà Lê Thị N1.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 48, tờ bản đồ số 06 tại thôn M có diện tích 1.679m^2 cho 09 anh em (trừ ông Lê Thiện M2 và người thừa kế của bà Nguyễn Thị L4 đã từ chối quyền thừa kế). Thống nhất cho ông M1 nhận phần đất đã xây dựng nhà, theo chiều ngang căn nhà, từ đường lộ dài đến hết diện tích đất xây dựng nhà. Ông M1 phải hoàn trả lại cho các đồng thừa kế khác phần giá trị vượt quá kỷ phần thừa kế chia theo pháp luật nếu có.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N1 và ông Lê Thanh D thì bà M và các anh chị em khác thống nhất:

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 200m^2 giữa ông Lê Thanh D và ông Trịnh Ngọc H3.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 140m^2 giữa bà Lê Thị N1 và ông Lê Thiện M2.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M trình bày: Bà giữ nguyên các lời khai về nhân thân của ông bà nội cũng như của cha mẹ bà, về nguồn gốc thửa đất số 48 như tại giai đoạn sơ thẩm và không bổ sung gì thêm. Bà xác định mẹ bà sử dụng thửa 48 từ năm 1979, cụ T3 và cụ N4 không làm giấy tờ tặng cho cha mẹ bà thửa 48, tuy nhiên cha bà là con trưởng nên thửa 48 thuộc về cha mẹ bà. Hiện nay, trên thửa 48 còn 02 ngôi mộ của dòng họ cha bà, 02 ngôi mộ này có từ thời cụ T3, cụ N4. Bà xác định cụ T3 cụ N4 có 01 người con trai tên Lê Kim T4 hiện đang sinh sống tại Mỹ. Hiện nay, bà đã có nhà ở riêng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Thiện M1 và đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Duy N trình bày:

Ông Lê Thiện M1 thống nhất về hàng thừa kế, quan hệ nhân thân của cụ Lê Bá T3, cụ Nguyễn Thị N4, ông Lê Thiện H5 và bà Dương Thị M4 như phía nguyên đơn trình bày là đúng.

Ông M1 đồng ý với nguyên đơn về nguồn gốc của thửa đất số 48, tờ bản đồ 06 xã N là của ông bà nội là cụ T3 và cụ N4 để lại, hiện nay thửa 48 được cấp GCNQSDĐ đứng tên mẹ ông Dương Thị M4 năm 2001.

Ông M1 thống nhất với lời khai của bà M về 02 lần chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào năm 2010 giữa ông Lê Thiện M1 và ông Trịnh Ngọc H3; năm 2021 giữa ông Lê Thiện M2 và bà Lê Thị N1.

Đối với 02 phần đất đã chuyển nhượng trên, ông M1 xác nhận không tranh chấp và đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Thanh D và bà Lê Thị N1.

Khoảng 2017 - 2018, vợ chồng ông có xây căn nhà cấp 4 khoảng 100m^2 với số tiền khoảng 270.000.000 đồng.

Diện tích đất còn lại thì ông M1 đồng ý giao lại để chia cho các anh chị em khác; phần của ông xem như đã nhận gồm 200m^2 đã bán cho ông L2 và 100m^2 đã cất nhà ở.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Duy N là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Lê Thiện M1 trình bày bổ sung như sau:

Ông N xác định thửa đất số 48, tờ bản đồ số 06, diện tích 2.032m^2 tại thôn M 2 là đất của cả dòng tộc họ Lê do cụ T3 và cụ N4 để lại. Năm 1979, bà Lê Thị C2 (con gái cụ T3 và cụ N4) giao cho bà M4 quản lý, sử dụng. Vì vậy, ông N cho rằng việc bà M4 được cấp GCNQSDĐ vào năm 2001 là không đúng, yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M. Đối với yêu cầu độc lập của bà N1 và ông D thì phía bị đơn thống nhất đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho bà N1, ông D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N trình bày:

Bị đơn giữ nguyên các lời khai về nhân thân, nguồn gốc thửa 48 như cấp sơ thẩm. Ông xác định hiện nay trên thửa 48 vẫn còn 02 ngôi mộ có từ thời cụ T3, cụ N4 và cụ T3, cụ N4 còn có 01 người con trai hiện đang sống ở Mỹ vẫn thường

xuyên về Việt Nam. Trước giải phóng, bà M4 không sinh sống trên thửa 48 mà sau giải phóng một khoảng thời gian bà M4 cùng với các con và anh chị em (tức con của cụ T3, cụ N4) mới về canh tác trên đất. Ông không đồng ý với yêu cầu chia thừa kế của bà M vì đây không phải là di sản của bà M4.

***Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thiện M2 trình bày*:**

Ông thống nhất với nguyên đơn về quan hệ nhân thân, hàng thừa kế, về nguồn gốc của di sản thửa đất số 48 và quá trình sử dụng thửa đất sau khi mẹ ông là bà Dương Thị M4 chết.

Ông xác nhận rằng: Trên đất hiện nay có 02 căn nhà cấp 4 của ông Lê Thiện M1 và ông Đào Quốc V.

Ông M2 thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M. Ông xin nhận phần đất 140m^2 đã bán vào năm 2021 như phần di sản thừa kế và đồng ý hết quyền thừa kế. Về phần đất còn lại, ông đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật.

***Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thiện H1, ông Lê Thiện K, ông Lê Trọng N2, bà Lê Thị C, bà Lê Thị T1, bà Lê Thị B cùng trình bày*:**

Về hàng thừa kế và quan hệ nhân thân của cha mẹ như phía nguyên đơn trình bày là đúng, đều thống nhất và không có tranh chấp. Nguồn gốc đất là do ông bà nội để lại cho cha mẹ từ trước năm 1975 nay được cấp GCNQSDĐ đứng tên Dương Thị M4. Sau khi bà M4 chết, phần thửa đất số 48 được giao cho ông M1 quản lý, sử dụng.

Cùng thống nhất về 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông M1 và ông L2 (năm 2010), giữa ông M2 và bà N1 (năm 2021). Đồng ý không tranh chấp đối với 02 thửa đất trên và đề nghị công nhận QSDĐ.

Cùng thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia di sản thừa kế là diện tích đất 1.679m^2, thửa đất số 48, tờ bản đồ số 06, tọa lạc tại tôn M. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2001 đứng tên cụ Dương Thị M4 cho 09 anh em còn lại trừ ông Lê Thiện M2 và ông Lê Thiện M1.

Trong quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn G, ông Huỳnh Văn Q, ông Huỳnh Văn Q1, bà Huỳnh Thị P1, ông

***Huỳnh Văn H4, ông Huỳnh Văn K2, ông Huỳnh Văn K3 (chồng và con bà Lê Thị L3) trình bày*:**

Bà Lê Thị L3 sinh năm 1940 (đã chết năm 2022) là con nuôi của ông Lê Thiện H5 (chết năm 1977) và bà Dương Thị M4 (chết năm 2001).

Các con của bà L3 đều không có ý kiến về tranh chấp giữa bà Lê Thị M và ông Lê Thiện M1, cùng xin từ chối nhận di sản và tham gia vào vụ án trên. Cùng cam đoan việc từ chối nhận di sản trên và tham gia tố tụng là tự nguyện, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ về tài sản gì của bà L3. Về nội dung tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

***Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị N3 trình bày*:**

Bà là vợ của ông Lê Thiện M1, vợ chồng bà và các con đang ở trên thửa đất số 48. Bà và các con đều thống nhất với nội dung trình bày của ông M1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lê Thị N1 trình bày*:**

Vào ngày 07/01/2021, bà có mua của ông Lê Thiện M2 một phần đất diện tích 140m^2 thuộc một phần thửa đất số 48, tờ bản đồ số 06 tại thôn M với giá 280.000.000 đồng. Việc mua bán này có sự chứng kiến và đồng ý của tất cả anh em trong gia đình. Do đó, bà chỉ yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần diện tích 140m^2 giữa bà với ông M2.

***Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Lê Thanh D trình bày*:**

Vào năm 2013 ông có sang nhượng của vợ chồng ông Trịnh Ngọc H3 phần đất diện tích 200m^2 thuộc một phần thửa đất số 48, tờ bản đồ số 06 tại thôn M, GCNQSDĐ cấp năm 2001 đứng tên bà Dương Thị M4 với số tiền 70.000.000 đồng. Hiện nay, ông đã cho vợ chồng con gái ông. Phần đất trên hiện ông đã cho con gái là Lê Thị Thanh H2 và con rể Đào Quốc V xây nhà ở, không tranh chấp gì.

Đối với tranh chấp thừa kế của bà M và ông M1, ông không có ý kiến.

Ông D có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông và vợ chồng ông Trịnh Ngọc H3,

đối với phần đất diện tích 200m^2 nêu trên.

***Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thanh H2 và ông Đào Quốc V trình bày*:**

Vợ chồng bà thống nhất với lời khai và yêu cầu độc lập của ông Lê Thanh D. Xác nhận không tranh chấp đối với Hợp đồng tặng cho QSD đất với ông Lê Thanh D. Không yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất trong vụ án này.

Trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Khắc L2 từ chối nhận văn bản tố tụng và vợ chồng ông Trịnh Ngọc H3, bà Nguyễn Thị K1 không có mặt tại địa phương nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, quyết định:

Áp dụng:

Căn cứ khoản 3, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 129, Điều 357, Điều 500, Điều 609, Điều 610, Điều 611, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 616, Điều 617, Điều 618, Điều 620, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Điều 652, Điều 653, Điều 660 và điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 100, Điều 179, Điều 188 và Điều 203 Luật đất đai 2013.

Căn cứ khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M đối với

bị đơn ông Lê Thiện M1 về việc chia thừa kế quyền sử dụng đất theo pháp luật đối với thửa đất số 48, diện tích 2.032m^2, tờ bản đồ 06. Diện tích chia thừa kế quyền sử dụng đất là 1.679m^2.

- Ông Lê Thiện M1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích 402m^2, thửa đất số 532 (tách từ thửa đất số 81), tờ bản đồ tờ bản đồ số 36, địa chỉ tại thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Tài sản trên thửa đất số 532 gồm: 01 căn nhà cấp 4 diện tích 65,55m^2, mái hiên cột kèo gỗ tôn xi măng và nền gạch hoa diện tích 25,53m^2, nhà vệ sinh diện tích 2,4m^2, 01 căn nhà xây bằng đá cốm diện tích 19,5m^2, 01 giếng nước xây tablo (đường kính 3m, sâu 6m), hàng rào lưới B40 dài 36,5m và cây trồng trên đất thuộc quyền sở hữu của ông Lê Thiện M1 (Không tranh chấp).

- Bà Lê Thị M, bà Lê Thị B, ông Lê Thiện H1, bà Lê Thị Mỹ D1, bà Lê Thị C, ông Lê Thiện K, ông Lê Trọng N2, bà Lê Thị T1 và ông Lê Thiện T2 cùng được quyền quản lý, sử dụng diện tích 1.277m^2, thửa đất số 533 (tách từ thửa đất số 81), tờ bản đồ tờ bản đồ số 36, địa chỉ tại thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Buộc ông Lê Thiện M1 phải hoàn trả lại cho 09 đồng thừa kế phần chênh lệch so với kỷ phần thừa kề quyền sử dụng đất được nhận với số tiền là 280.920.000 đồng (*Hai trăm tám mươi triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm thi hành án, quyền, nghĩa vụ các bên thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 12/10/2023, ông Lê Thiện M1 và bà Trương Thị N3 cùng kháng cáo bản án sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Toà án nhân dân huyện N, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và thẩm định lại giá trị toàn bộ diện tích đất đang tranh chấp. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của ông M1 trình bày rõ lý do đề nghị hủy bản án sơ thẩm trong đơn kháng cáo, cụ thể: Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì có những vi phạm về thủ tục tố tụng và vi phạm về nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác toàn bộ kháng cáo của ông M1, bà N3, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, bà Lê Thị M không rút đơn khởi kiện, ông Lê Thiện M1 và bà Trương Thị N3 không rút hoặc thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án. Đơn kháng cáo của ông M1, bà N3 làm trong hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét, giải quyết.

[2] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là *"Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất; Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"* là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, các đương sự đều thống nhất xác định nguồn gốc thửa đất số 48, diện tích 2.032m^2 là của cụ Lê Bá T3 và cụ Nguyễn Thị N4 khai hoang, sử dụng từ thời kháng chiến chống Pháp; trước khi chết, cụ T3, cụ N4 chưa định đoạt thửa đất này cho ai, cũng không để lại di chúc. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và được xem là chứng cứ của vụ án, vì vậy có đủ căn cứ xác định thửa đất 48 là di sản của cụ T3 và cụ N4 chết để lại.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà M trình bày: Sau khi cụ T3, cụ N4 chết, cha mẹ bà là Lê Thiện H5 và Dương Thị M4 là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa 48 từ năm 1975 đến nay, hiện mẹ bà đã được UBND huyện N cấp GCNQSDĐ, vì vậy bà cho rằng thửa 48 không còn là di sản của cụ N4 và cụ T3 nữa. Xét lời trình bày của bà M, nhận thấy: Việc gia đình bà M4 quản lý, sử dụng thửa 48 từ năm 1975 đến nay không dựa trên di chúc hoặc một hợp đồng chuyển quyền hợp pháp nào khác, bản thân bà M cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh các con cụ T3, cụ N4 đồng ý phân chia thửa 48 cho vợ chồng ông T5, bà M4 được toàn quyền sử dụng, định đoạt, vì vậy ý kiến trình bày này của bà M là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử xác định thửa 48 vẫn là di sản của cụ

T3, cụ N4 để lại chưa phân chia và bà M4 không đủ điều kiện để xác lập quyền hợp pháp đối với thửa đất này.

[3.3] Do thửa 48 là di sản của cụ T3 và cụ N4 để lại nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là di sản của bà M4 và không đưa những người thuộc hàng thừa kế của cụ T3, cụ N4 vào tham gia tố tụng là không đúng.

[3.4] Xét thấy, hàng thừa kế thứ nhất của cụ T3 và cụ N4 gồm có 07 người, trong đó chỉ còn 01 người còn sống là ông Lê Kim T4 - hiện đang định cư tại Mỹ. Căn cứ vào khoản 3 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận là Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trên, vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định sai thẩm quyền giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cần phải hủy bản án sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện N do có những vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng cũng như việc đánh giá chứng cứ. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông M1, bà N3, không chấp nhận ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát. Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí:

Ông Lê Thiện M1, bà Trương Thị N3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 30/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí định giá tài sản: Được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Thiện M1, bà Trương Thị N3 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Lê Thiện M1 và bà Trương Thị N3 mỗi người 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001510 và số 0001511 cùng ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Án xử phúc thẩm công khai, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (16/5/2024)./.

Nơi nhận:
- Đương sự (29);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện N (1);
- Chi cục THADS huyện N (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Dịu